| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 18**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Phương.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

2. Ông Lương Thanh Nhàn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 765/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim Ú; sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau); địa chỉ tạm trú: Tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn M; sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau); địa chỉ tạm trú: Tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Kim Ú trình bày:* Bà Ú và ông Lê Văn M chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2004 tại Ủy ban nhân dân

xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, ông M không chăm lo làm ăn để phụ giúp gia đình, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng không có tiếng nói chung, bà Ú và ông M đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Ú yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 21/12/2002 và Lê Minh N, sinh ngày 19/11/1998. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Văn M:* Toà án đã triệu tập hợp lệ ông M nhiều lần để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn M hiện đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cứ vào Nghị quyết Thành lập Toà án nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên

đơn và bị đơn.

[2] Tòa án nhận định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà Ú và ông M tự nguyện sống chung từ năm 1997, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/07/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau), như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[2.2] Kết quả xác minh ngày 19/6/2025 thể hiện: Ông Lê Văn M có đăng ký tạm trú tại khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Ú và ông M thì địa phương không biết.

[2.3] Xét thấy, hiện nay bà Ú không còn yêu thương ông M. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động, thuyết phục bà Ú cho ông M cơ hội để về đoàn tụ gia đình nhưng bà Ú vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn; ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và hòa giải đoàn tụ nhưng ông M vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông M không quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng và không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Ú và ông M đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2.4] Về con chung: Bà Ú và ông M có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 21/12/2002 và Lê Minh N, sinh ngày 19/11/1998. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim Ú đối với bị đơn ông Lê Văn M về việc "tranh chấp ly hôn".

Bà Huỳnh Kim Ú được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày 21/12/2002 và Lê Minh N, sinh ngày 19/11/1998. Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Kim Ú phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp tại Biên lai thu số 0000866 ngày 28/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Phương**